

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HSST

Ngày: 20/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Sơn

2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/HSST ngày 16/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HS ngày 06/5/2024 đối với bị cáo:

PHẠM S – sinh năm 1995; Tên gọi khác: Đậu; Giới tính: Nam. Nơi sinh: Bình Thuận. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Phạm P (đã chết); Mẹ: Hàn Thị U1 (đã chết); Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo S là con thứ năm. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

Người bị hại: Nguyễn Văn H - sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Tú U - sinh năm 1995 (vợ của Nguyễn Văn H, có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng:

1/Phan Thị N, sinh năm 1992 (có mặt)

2/Trần Thị S, sinh năm 1968 (có mặt)

3/Phạm Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt)

4/Nguyễn Thị Thu T – sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 05 phút ngày 14/12/2023, Phạm S (Đậu), sinh năm 1995, trú tại thôn 6, xã S, huyện B, sau khi đi nhậu tại nhà bạn ở thị trấn Phú Long thì điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi gần về đến nhà, S dừng xe ngoài đường rò ga và la lớn “*thằng con nào bỏ hàng rào B40 ngoài đường làm trầy chân tao*”. Lúc này, bà Trần Thị S, sinh năm 1968, trú cùng thôn, là hàng xóm của S nghe vậy nên ra khuyên bảo S nhưng S không nghe mà dùng quẹt ga bật lửa đốt các tàu lá dừa khô ở ngoài đường. Cùng lúc này, Nguyễn Văn H (con bà S), sinh năm 1993, trú cùng thôn đang ở trong nhà thấy S đốt lửa nên đứng ở sân nói với S: “*đốt coi chừng cháy dây điện nhà tao*”, S trả lời: “*đụ mẹ mày, cháy tao đền*”, H nói tiếp: “*cháy rồi tôi lấy gì vợ con tao xài*”, S nói: “*mày chửi đụ mẹ tao hả*”, H nói: “*tao chửi đụ mẹ mày hồi nào*”. Sau đó giữa H và S có cãi nhau qua lại, trong lúc cãi nhau S chỉ tay vào mặt H nói: “*tao để ý mày lâu rồi, mày tin tao chém chết mẹ mày không?*”, nghe vậy H nghĩ S nói đùa nên H vào nhà, đồng thời cầm nửa cục gạch thẻ trên tay phải để đề phòng vì sợ S qua đánh. S chạy về nhà lấy 01 con dao tự tạo bằng kim loại dài 60cm, cán dài 35cm, lưỡi dao dài 25cm (bản rộng nhất 06cm, nhỏ nhất 3,5cm) quay ra. Khi chạy đến cách H khoảng 01m, S cầm con dao chém thẳng vào vùng đầu của H, hướng từ trên xuống, H đưa tay lên đỡ thì cán dao trúng cánh tay phải, cẳng tay trái, phần lưỡi dao thì trúng vùng thái dương đỉnh phải của H gây thương tích. Sau đó mọi người đến can ngăn và chở H đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận cấp cứu. Ngày 15/12/2023, Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu khởi tố về hình sự đối với Phạm S vì đã dùng dao chém vào đầu và tay của H gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 154/KLTTCT-TTPYBT ngày 10/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận về thương tích của Nguyễn Văn H như sau:

- Vết thương phần mềm vùng thái dương đỉnh phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo kích thước (5,5 x 0,3)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.
- Sây sát da 1/3 trên mặt trước cẳng tay trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo kích thước (1,6 x 0,1)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.
- Sây sát da 1/3 giữa cánh tay phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo kích thước (2,5 x 0,2)cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.
- Đa vết sưng nề vùng cổ, ngực, lưng hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.
- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn H tại thời điểm giám định là 4%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Vết thương vùng thái dương đỉnh phải do vật sắc gây ra; Các vết sây sát da cẳng tay trái, cánh tay phải do vật tày gây ra.

- Vết thương vùng thái dương đỉnh phải có chiều hướng lực tác động từ trên xuống dưới; Các vết sây sát da cẳng tay trái, cánh tay phải có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể đối với vật gây thương.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 cây dao tự tạo bằng kim loại dài 60cm, cán dài 35cm, lưỡi dao dài 25cm, nơi rộng nhất là 06cm, nhỏ nhất là 3,5cm, Viện kiểm sát nhân dân huyện B chuyển từ Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B bảo quản, chờ xử lý.

- 01 đĩa DVD có chứa 01 đoạn video ghi lại diễn biến việc Phạm S đã dùng dao chém Nguyễn Văn H xảy ra ngày 14/12/2023 tại nhà của H thuộc thôn 6, xã S, huyện B được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường các khoản sau: Chi phí điều trị thương tích là 708.000đ (có hóa đơn chứng từ kèm theo); Tiền mất thu nhập lao động trong thời gian điều trị từ ngày 14/12/2023 đến ngày 20/12/2023, mỗi ngày 300.000đ là $(300.000đ \times 7 \text{ ngày}) = 2.100.000đ$; Tiền mất thu nhập trong 03 ngày nghỉ dưỡng bệnh khi xuất viện là 900.000đ; Tiền công người nuôi bệnh (vợ của H) phải chăm sóc hết 07 ngày tại bệnh viện $(07 \text{ ngày} \times 200.000đ) = 1.400.000đ$; Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là **5.108.000đ**. Đến nay Phạm S chưa có trách nhiệm bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSHTB ngày 16/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố Phạm S về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Phạm S đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a, i Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Phạt Phạm S từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy sai, bị cáo xin lỗi anh H, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an huyện B; Viện Kiểm sát nhân dân huyện B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm S khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện B, các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 14/12/2023, tại phía trước nhà của Nguyễn Văn H chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong việc đốt lửa sợ cháy dây điện thấp sáng, Phạm S đã có hành vi dùng dao tự tạo bằng kim loại dài 60cm, cán dài 35cm, lưỡi dao dài 25cm, nơi rộng nhất là 06cm, nhỏ nhất là 3,5cm, là hung khí nguy hiểm chém vào đầu vùng thái dương đỉnh phải, cánh tay phải và cẳng tay trái của Nguyễn Văn H gây thương tích 4%. Hành vi của bị cáo Phạm S đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại Điểm a, i Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại phiên tòa bị cáo Phạm S lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] *Về hình phạt:* Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất trong việc bị cáo Phạm S đốt lửa bị anh Nguyễn Văn H nhắc nhở coi chừng cháy dây điện thấp sáng thì Phạm S tỏ ra bực tức dùng dao tự tạo bằng kim loại dài 60cm, cán dài 35cm, lưỡi dao dài 25cm gây thương tích cho anh H 4%. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự địa phương là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Đối với 01 cây dao tự tạo bằng kim loại dài 60cm, cán dài 35cm, lưỡi dao dài 25cm, nơi rộng nhất là 06cm, nhỏ nhất là 3,5cm là vật chứng vụ án tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 đĩa DVD có chứa 01 đoạn video ghi lại diễn biến việc Phạm S đã dùng dao chém Nguyễn Văn H xảy ra ngày 14/12/2023 tại nhà của H thuộc thôn 6, xã S, huyện B lưu hồ sơ vụ án.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường số tiền Chi phí điều trị thương tích là 708.000đ (có hóa đơn chứng từ kèm theo); Tiền mất thu nhập lao động trong thời gian điều trị từ ngày 14/12/2023 đến ngày 20/12/2023, mỗi ngày 300.000đ là $(300.000đ \times 7 \text{ ngày}) = 2.100.000đ$; Tiền mất thu nhập trong 03 ngày nghỉ dưỡng bệnh khi xuất viện là 900.000đ; Tiền công người nuôi bệnh (vợ của H) phải chăm sóc hết 07 ngày tại bệnh viện $(07 \text{ ngày} \times 200.000đ) = 1.400.000đ$; Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là **5.108.000đ**. Tại Tòa bị cáo Phạm S đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Bị cáo Phạm S phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a, i Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. **Tuyên bố:** Bị cáo Phạm S (tên gọi khác Đ) phạm tội “Cố ý gây thương tích”. **Xử phạt:** Phạm S **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Phạm S bồi thường chi phí điều trị thương tích và ngày công lao động là 5.108.000đ. Bị cáo Phạm S đồng ý theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn H là bồi thường cho anh Nguyễn Văn H tiền chi phí điều trị thương tích và ngày công lao động tổng cộng **5.108.000đ** (năm triệu một trăm lẻ tám ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 cây dao tự tạo bằng kim loại dài 60cm, cán dài 35cm, lưỡi dao dài 25cm, nơi rộng nhất là 06cm, nhỏ nhất là 3,5cm là vật chứng vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2024.

4. Về án phí: Căn cứ: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm S phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện HTB;
- Công an huyện HTB;
- Chi cục THADS huyện B;
- Cơ quan Thi hành án HS huyện B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Ung Thanh Quang